TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 19/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sỉ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1965; tên gọi khác: T; nơi sinh: tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số H, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Đặng Thị N (đã chết); chồng: Võ Hoàng L (đã chết); con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án: có 02 tiền án cụ thể như sau:

- Tại Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long) bị xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2020.

- Tại Bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long) bị xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2022.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 21/2006/HSST ngày 08/5/2006 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long) xử

phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích).

- Tại Bản án số 09/2009/HSST ngày 12/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long) xử phạt 09 tháng tù tội "Trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích);

- Tháng 3 năm 2017 có hành vi trộm cắp tài sản bị Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã A, tỉnh Vĩnh Long) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (đã nộp phạt xong);

Bị cáo bị bắt để tạm giữ từ ngày 10/6/2025 đến ngày 13/6/2025, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện tại đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mỏ Cày thuộc Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh V. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971; địa chỉ: số C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số C, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: số A, đường H, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A, đường H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện nay: số F ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số F ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Hữu T3, sinh năm 2005; địa chỉ: số C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số C, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H đang có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long), chưa được xóa án tích nhưng Lê Thị H tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2024, Lê Thị H đến quầy bán quần áo của bà Nguyễn Thị T2 ở khu vực chợ G thuộc Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) để mua quần áo. Sau khi thanh toán tiền mua bán xong, lúc ra về Hùm thì nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K40, màu đen, màn hình cảm ứng của bà T2 để trên kệ sắt trong khu vực quầy bán quần áo của bà T2 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, H lén lút lấy điện thoại nêu trên bỏ vào túi áo khoác mà H đang mặc trên người rồi mang về nhà của H tại số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số H, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) để cất giấu. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, H mang điện thoại lấy trộm được đến cửa hàng điện thoại Minh T4 ở ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) để bán lấy tiền tiêu xài. Chủ cửa hàng là ông Nguyễn Tấn P kiểm tra điện thoại thấy có mật khẩu nhưng H không mở được

nên ông P hỏi: "Cái máy này sao đây? Của chị hay gì? Sao chị không biết mật khẩu?". H trả lời: "Điện thoại này của đứa em cho tôi, nhưng tôi quên hỏi mật khẩu, do cần tiền mai đi M hái cà phê nên mới bán!". Tin lời H, ông P đồng ý mua điện thoại với giá 250.000 đồng. Cùng ngày, bà Nguyễn Thị T2 phát hiện điện thoại di động của mình bị mất nên ông Huỳnh Hữu T3 (con ruột của bà Nguyễn Thị T2) đến Công an thị trấn T, huyên T, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã T, tỉnh Vĩnh Long) trình báo sự việc. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, xác minh, tiến hành mời Hùm làm việc và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp lại số tiền 250.000 đồng có được sau khi bán điện thoại di động. Trong quá trình điều tra vụ án, H bỏ trốn và sau đó bị bắt theo Quyết định truy nã số 06/QĐTN – ĐTTH ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K40 màu đen, số I: 861729058254998, có màn hình và mặt lưng đã bị vỡ, phía sau được gắn ốp lưng bằng nhựa dẻo, màn hình khóa có hình ảnh người phụ nữ mặc áo màu trắng đội nón lá, bên trong có 01 sim Viettel số 0388.433.050 (do ông Nguyễn Tấn P giao nộp).

- 01 đĩa DVD chứa 01 đoạn video ghi nhận hình ảnh phía trước cửa hàng của ông Nguyễn Tấn P tại thời điểm Lê Thị H bán điện thoại cho ông P, đoạn clip có thời lượng 26 giây, dung lượng 50,9Mb (do ông Nguyễn Tấn P giao nộp).

- Tiền Việt Nam là 250.000 đồng, gồm: 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ 50.000 đồng (do Lê Thị H tự nguyện giao nộp).

- Lê Thị H tự nguyện giao nộp trang phục Hùm mặc khi thực hiện hành vi phạm tội gồm: 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn, màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 45cm x 33cm; 01 quần thun dài màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 86,5cm x 31cm; 01 áo khoác thun có cổ, tay áo dài 57cm, màu vàng in hoa màu đỏ, trắng, xanh, không nhãn hiệu, kích thước 55cm x 35 cm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL - HĐĐGTS ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi K40, màu đen, màn hình và mặt lưng bị vỡ có giá trị 500.000 đồng; 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel có giá 100.000 đồng; ốp lưng điện thoại Xiaomi Redmi K40 bằng nhựa dẻo đã qua sử dụng có giá 0 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 600.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 269/2025/KL - KTHS ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là Phòng K Công an tỉnh V) kết luận: qua giám định nội dung hình ảnh của tập tin video gửi giám định (ký hiệu A) không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa. Mô tả, cử chỉ, động tác của người xuất hiện trong tập tin video gửi giám định (ký hiệu A): chi tiết được mô

tả trong bản ảnh kèm theo kết luận giám định. Kèm theo kết luận giám định 01 bản ảnh gồm 02 trang giấy A4. Cụ thể:

- Hình 1: Theo diễn biến nội dung hình ảnh của tập tin video gửi giám định (ký hiệu A) lúc "22-10-2024 17:49:06": Hình ảnh người (ký hiệu 1) có hình dáng nữ giới, mặc áo tay dài sáng màu, đội mũ bảo hiểm sáng màu, tay trái cầm vật (ký hiệu 2) có hình dạng giống điện thoại di động, không rõ kích thước đưa cho hình ảnh người (ký hiệu 3) có hình dáng nam giới, mặc áo ngắn tay sáng màu.

- Hình 2: Theo diễn biến nội dung hình ảnh của tập tin video gửi giám định (ký hiệu A) lúc "22-10-2024 17:49:14": Hình ảnh người (ký hiệu 3) dùng tay phải cầm vật có hình dạng giống tiền đưa cho hình ảnh người (ký hiệu 1).

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 250.000 đồng và ngày 22 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại di động bị chiếm đoạt cho bà Nguyễn Thị T2, theo Quyết định xử lý vật chứng số 1044/QĐ - ĐTTH ngày 15 tháng 11 năm 2024. Ông P và bà T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSKV9-HS, ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã truy tố trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long để xét xử bị cáo Lê Thị H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố bị cáo theo nội dung của bản Cáo trạng; sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất của vụ án, mức độ hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung như sau:

- Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 10/6/2025.

- Về hình phạt bổ sung: bị cáo Lê Thị H không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Tấn P đã nhận lại đủ số tiền 250.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt, ông P và bà T2 không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn, màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 45cm x 33cm; 01 quần thun dài màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 86,5cm x 31cm; 01 áo khoác thun có cổ, tay áo dài 57cm, màu vàng in hoa màu đỏ, trắng, xanh, không nhãn hiệu, kích thước 55cm x

35cm. Do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và đồ vật đã qua sử dụng, không còn giá trị.

+ Ghi nhận về việc ngày 15 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 250.000 đồng và ngày 22 tháng 11 năm 2024 đã trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K40, màu đen, màn hình và mặt lưng bị vỡ phía sau được gắn ốp lưng bằng nhựa dẻo bên trong có 01 thẻ sim Viettel cho bà Nguyễn Thị T2.

+ Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại thời điểm bị cáo Lê Thị H bán điện thoại di động tại cửa hàng Đ.

Đối với ông Nguyễn Tấn P có hành vi mua điện thoại di động do bị cáo Lê Thị H bán nhưng khi mua ông P không biết tài sản do H trộm cắp mà có và ông P cũng không có hành vi thỏa thuận, bàn bạc, thống nhất, giúp sức hay xúi giục Hùm trộm cắp tài sản nên không phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đồng ý tội danh, điều luật, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Lê Thị H nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo xin hứa bị cáo sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với bị hại bà Nguyễn Thị T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Tấn P và người làm chứng là ông Huỳnh Hữu T3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoãn phiên tòa và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu

thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù đang có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2024, Lê Thị H đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi K40, màu đen, màn hình cảm ứng của bà Nguyễn Thị T2, bên trong có gắn 01 sim điện thoại được để trên kệ sắt đặt trong quầy bán quần áo của bà T2 ở khu vực chợ G, thuộc Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 600.000 đồng nên Cáo trạng số 11/CT-VKSKV9-HS ngày 25/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long truy tố đối với bị cáo Lê Thị H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;"

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Lê Thị H là coi thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật và tội phạm đã hoàn thành. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo Lê Thị H là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bởi lẽ, bị cáo đang có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 16/2019/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 (xử phạt 01 năm tù) và Bản án số 03/2022/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 (xử phạt 09 tháng tù) của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long). Tuy nhiên, các tiền án này đều đã dùng để định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo nên không xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Thị H đã khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo Lê Thị H có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và nhiều lần (04 lần) bị Tòa án kết án cùng về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đang có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo chưa lấy đó là bài học để cải sửa bản thân, lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm, từ đó sẽ chí thú lao động chân chính để trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại bị cáo lại vì động cơ tư lợi cá nhân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo trộm cắp giữa ban ngày. Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã, làm khó khăn và kéo dài hoạt động điều tra. Điều đó cho thấy, bị cáo là người xem thường pháp luật, chưa thật sự ăn năn hối cải. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong môi trường có sự theo dõi, giáo dục, cải tạo nghiêm khắc để bị cáo có thời gian suy ngẫm về hành vi của mình, mới đủ sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo để có hình phạt phù hợp.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".* Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo Lê Thị H không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Tấn P đã nhận lại số tiền 250.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt, ông P và bà T2 không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận ngày 15 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 250.000 đồng và ngày 22 tháng 11 năm 2024 đã trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40, màu đen, màn hình và mặt lưng bị vỡ, phía sau được gắn ốp lưng bằng nhựa dẻo bên trong có 01 thẻ sim Viettel cho bà Nguyễn Thị T2.

Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn, màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 45cm x 33cm; 01 quần thun dài màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 86,5cm x 31cm và 01 áo khoác thun có cổ, tay áo dài 57cm, màu vàng in hoa màu đỏ, trắng, xanh, không nhãn hiệu, kích thước 55cm x 35cm. Do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và đồ vật đã qua sử dụng, không còn giá trị.

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại thời điểm bị cáo Lê Thị H bán điện thoại di động tại cửa hàng Đ.

[10] Đối với ông Nguyễn Tấn P có hành vi mua điện thoại di động do bị cáo Lê Thị H bán nhưng khi mua ông P không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có và ông P cũng không có hành vi thỏa thuận, bàn bạc, thống nhất, giúp sức hay xúi giục bị cáo trộm cắp tài sản nên không phạm tội.

[11] Tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Tấn P đã nhận lại số tiền 250.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt, ông P và bà T2 không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ghi nhận ngày 15 tháng 11 năm 2024, Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Nguyễn Tấn P số tiền 250.000 đồng và ngày 22 tháng 11 năm 2024 Cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K40, màu đen, màn hình và mặt lưng bị vỡ phía sau được gắn ốp lưng bằng nhựa dẻo bên trong có 01 thẻ sim Viettel cho bà Nguyễn Thị T2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 10444/QĐ - ĐTTH ngày 15 tháng 11 năm 2024 và các Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 15 tháng 11 năm 2024 và ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V).

Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn, màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 45cm x 33cm; 01 quần thun dài màu xanh rêu, không nhãn hiệu, kích thước 86,5cm x 31cm và 01 áo khoác thun có cổ, tay áo dài 57cm, màu vàng in hoa màu đỏ, trắng, xanh, không nhãn hiệu, kích thước 55cm x 35cm.

(Vật chứng được tạm gửi tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long, theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSKV9-HS ngày 25/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2025).

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi lại thời điểm bị cáo Lê Thị H bán điện thoại di động tại cửa hàng Đ.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Cơ quan CSĐT) (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng Thi hành án khu vực 9 - Vĩnh Long (1b);
- UBND xã A, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Công an xã A, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú